

Bản án số: 103/2023/KDTM-ST
Ngày: 07-9-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng
cho thuê tài chính

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tố Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Thị Thịnh

2. Bà Võ Thị Phương Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Vũ Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Tú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2022/TLST-KDTM ngày 16 tháng 12 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 231/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 202/2023/QĐXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C; Địa chỉ: Tầng 1, Cao ốc Sài Gòn T, số I Tôn Đức Thắng, phường b, Quận v, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hải P, sinh năm 1995 (có mặt); (Theo Giấy ủy quyền số 146.2023/GUQ-COL ngày 06/4/2023 Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C)

Bị đơn: Công ty TNHH Solar H (vắng mặt); Địa chỉ: Số D đường H, phường t, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Gia H, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số W đường b, Phường A, quận bt, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đoàn C, sinh năm 1954 (vắng mặt); Địa chỉ: Số T ngách T, ngõ Thịnh H, phường h, quận đ, Thành phố Hà Nội; Địa chỉ liên lạc: Số A , phường t, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Lê Gia H, sinh năm 1980 (vắng mặt); Địa chỉ: Số W đường b, Phường A, quận bt, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/11/2022 của nguyên đơn Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C (sau đây gọi tắt là công ty C) thì:

Do Công ty TNHH Solar H (gọi tắt là công ty H) có nhu cầu sử dụng phương tiện, máy móc phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đề nghị Công ty C tài trợ tài chính nên ngày 02/02/2021 hai bên đã ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số B210141202 (gọi tắt là Hợp đồng thuê). Tài sản thuê là 01 bộ thiết bị điện năng lượng mặt trời, bao gồm: 2.580 tấm pin năng lượng mặt trời (Model: JKM400M-72H), 11 bộ Inverter SMA SHP75-10, 02 bộ Inverter SMA Sunny High Power Peak 175-10 và 02 bộ tủ điện trung gian (gọi tắt là tài sản thuê).

Ngày 02/02/2021, công ty C chấp nhận Thư bảo lãnh thanh toán của ông Lê Gia H và ông Đoàn C. Theo đó, trường hợp công ty H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo các Hợp đồng thuê, thì ông Lê Gia H và ông Đoàn C cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay cho công ty H. Để thực hiện Hợp đồng thuê, công ty C đã ký hợp đồng mua bán số B210141202-PC vào ngày 04/02/2021 để mua các tài sản nêu trên từ công ty TNHH Power Trans và cho công ty H thuê lại các tài sản này, ngày 19/02/2021 công ty H đã ký vào Biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản để xác nhận đã nhận tài sản thuê. Giá mua tài sản là 13.200.000.000 đồng, công ty H trả trước 3.300.000.000 đồng và công ty C tài trợ 9.900.000.000 đồng. Thời hạn thuê: 60 tháng, kể từ ngày 19/02/2021 đến ngày 10/02/2026.

Ngày 19/02/2021, Hợp đồng thuê được cấp giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm. Lãi suất thuê là lãi suất thả nổi được tính dựa trên lãi suất tiêu chuẩn VND của công ty C cộng với biên độ là 4,86 %. Theo đó, mức lãi suất thuê tạm tính từ ngày bắt đầu thuê là 10,82 %/năm. Hàng tháng, công ty H phải thanh toán cho công ty C tiền thuê, gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc mà công ty C đã tài trợ cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê. Trước khi công ty H trả hết vốn gốc cùng các khoản lãi, công ty C vẫn là chủ sở hữu của tài sản thuê và toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác ... đối với tài sản thuê. Căn cứ Điều 26 của Hợp đồng thuê, nếu công ty H vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp đồng thuê, hay bị mất khả năng thanh toán, công ty C có quyền chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi tài sản thuê và yêu cầu công ty H bồi thường thiệt hại (nếu có). Thực hiện Hợp đồng thuê, đến kỳ thuê thứ 12 (ngày phải trả tiền thuê là ngày 10/02/2022), công ty H đã ngừng thanh toán. Ngày 22/4/2022 công ty H thanh toán thêm được số tiền 125.000.000 đồng.

Ngày 29/8/2022 công ty C phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê, yêu cầu công ty H thanh toán tổng số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thuê tính đến ngày 31/8/2022 (ngày chấm dứt Hợp đồng) là 9.852.341.178 đồng.

Ngày 18/10/2022, công ty C phát hành Thư yêu cầu thanh toán về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán tiền thuê để yêu cầu ông Lê Gia H và ông Đoàn C thanh toán theo nội dung các Thư bảo lãnh cá nhân đã ký nhưng đến nay ông Lê Gia H và ông Đoàn C vẫn chưa thanh toán số tiền còn nợ cho công ty C. Vì vậy, công ty C khởi kiện yêu cầu Tòa án, buộc công ty H thanh toán cho công ty C số tiền còn nợ trong hợp Hợp đồng thuê tính đến ngày 04/11/2022 là 9.952.048.040 đồng, trong đó, nợ gốc là: 7.868.332.433 đồng, nợ lãi trong hạn và các khoản phải thu khác tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 31/8/2022 là 1.984.008.745 đồng, nợ lãi quá hạn từ ngày 31/8/2022 đến 04/11/2022 là 99.706.862 đồng. Tính đến ngày 18/5/2023 là 10.296.846.494 đồng, trong đó, nợ gốc là: 7.868.332.433 đồng, nợ lãi trong hạn và

các khoản phải thu khác tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 31/8/2022 là 1.984.008.745 đồng, nợ lãi quá hạn từ ngày 01/9/2022 đến ngày 18/5/2023 là 444.505.316 đồng. Và công ty H phải thanh toán tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày 19/5/2023 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc, trường hợp không thanh toán đầy đủ khoản tiền nêu trên, thì người bảo lãnh là ông Lê Gia H và ông Đoàn C có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ cho công ty C cho đến khi trả hết số tiền còn nợ.

Tại Biên bản làm việc và Bản tự khai cùng ngày 25/5/2023 bị đơn công ty H có ông Lê Gia H là đại diện theo pháp luật trình bày: Ông Huấn xác nhận công ty H có ký Hợp đồng thuê với công ty C và còn nợ chưa trả, tính đến ngày 18/5/2023 là 10.296.846.494 đồng, trong đó, nợ gốc là: 7.868.332.433 đồng, nợ lãi trong hạn và các khoản phải thu khác tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 31/08/2022 là 1.984.008.745 đồng, nợ lãi quá hạn từ ngày 01/9/2022 đến ngày 18/5/2023 là 444.505.316 đồng, nay công ty H đề xuất phương án trả nợ như sau: chậm nhất đến ngày 30/6/2023 sẽ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 1.650.000.000 đồng, từ tháng 7/2023 trở đi thanh toán ít nhất mỗi tháng 150.000.000 đồng. Kế hoạch thanh toán năm 2024 thì hai bên sẽ thống nhất lại. Công ty H đề nghị công ty C rút lại yêu cầu khởi kiện nếu công ty H thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán của tháng 6 và tháng 7 năm 2023.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả số tiền thuê còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 07/9/2023 là 10.524.008.760 đồng, trong đó nợ gốc là 7.868.332.433 đồng, nợ lãi trong hạn và các khoản phải thu khác tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 31/8/2022 là 1.984.008.745 đồng, nợ lãi quá hạn từ ngày 01/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 07/9/2023 là 671.667.582 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

1. Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử, vi phạm thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70, 71, 85, 86 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vi phạm quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn công ty C yêu cầu bị đơn công ty H trả số tiền còn nợ trong các hợp đồng cho thuê tài chính, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là *tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận* được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn có trụ sở tại Quận 7 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Xét xử vắng mặt các đương sự: Bị đơn công ty H mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự và theo hướng dẫn tại Điều 5 và 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì, ... *trường hợp người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của người bị kiện nhưng họ thường xuyên thay đổi mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về nơi cư trú làm cho người khởi kiện không biết nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ với người khởi kiện...* thì Tòa án giải quyết theo thủ tục chung, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Gia H và ông Đoàn C mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và không cử người đại diện tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn

[2] Về nội dung tranh chấp: Ngày 02/02/2021 công ty C và công ty H ký hợp đồng thuê tài chính số B210141202 có cơ sở để xác định hai bên đương sự có xác lập một giao dịch dân sự về thuê tài chính.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về hình thức Hợp đồng thuê giữa nguyên đơn và bị đơn được thể hiện bằng văn bản là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật thương mại: *Hình thức hợp đồng được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc được xác lập bằng hành vi cụ thể.*

[2.2] Xét nội dung của Hợp đồng thuê:

Điều 1 Hợp đồng thuê quy định: *Hợp đồng thuê có hiệu lực từ ngày ký và sẽ không bị hủy ngang hay chấm dứt bởi bên thuê kể từ ngày ký cho đến ngày kết thúc ...*

Điều 2 của Hợp đồng thuê quy định: *Các phụ lục được đính kèm tạo thành một phần không thể tách rời của Hợp đồng này và có thể được bên cho thuê và bên thuê thỏa thuận sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm...*

Điều 3 của Hợp đồng thuê quy định: *3.1: Tài sản thuê là máy móc, thiết bị hoặc các tài sản khác cùng với tất cả các phụ kiện đi kèm, các bộ phận, phụ tùng cũng như các tài liệu hướng dẫn sử dụng được bên cho thuê và bên thuê thỏa thuận*

thuê như được mô tả tại phần 1 của Phụ lục số 01.

3.2: Tài sản thuê được bên cho thuê mua theo yêu cầu của bên thuê thông qua hợp đồng mua tài sản thuê và thuộc quyền sở hữu của bên cho thuê. Tài sản thuê không được coi là tài sản của bên thuê khi xử lý tài sản để trả nợ cho các chủ nợ khác.

Điều 7 của Hợp đồng thuê quy định: Tiền thuê phải được bên thuê thanh toán chậm nhất vào ngày đến hạn với số tiền, lịch trình và phương thức thanh toán như được thể hiện trên thông báo bắt đầu thuê do bên cho thuê phát hành...

Và theo lịch trình thanh toán của kỳ thứ 12 vào ngày 10/02/2022 thì bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 237.899.750 đồng, trong đó gốc là 150.000.000 đồng, thuê giá trị gia tăng là 15.000.000 đồng, lãi là 71.412.000 đồng.

Thực hiện Hợp đồng thuê, bên thuê là công ty H đã nhận tài sản thuê theo đúng sự mô tả trong Hợp đồng thuê và trong Biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản. Bị đơn trả được cho nguyên đơn số tiền của 11 kỳ thuê là 2.031.667.567 đồng. Đến kỳ thứ 12 thì bị đơn vi phạm và ngày 22/4/2022 bị đơn thanh toán thêm số tiền 125.000.000 đồng, tổng số tiền đã thanh toán là 2.156.667.567 đồng. Nên ngày 29/8/2022 nguyên đơn ra Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê đối với bị đơn là phù hợp với quy định quy định tại Điều 26 của Hợp đồng thuê mà hai bên đã thỏa thuận ký kết “*Hợp đồng thuê có thể chấm dứt trước thời hạn nếu xảy ra một trong các trường hợp vi phạm sau: bên thuê không thanh toán tiền thuê như quy định tại Điều 7 và và các khoản tiền khác quy định trong hợp đồng thuê trong vòng 05 ngày kể từ ngày đến hạn*”. Như vậy do bị đơn vi phạm thời hạn và nghĩa vụ thanh toán tiền thuê cho nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và nợ lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ trong Hợp đồng thuê tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 10.524.008.760 đồng, trong đó nợ gốc là 7.868.332.433 đồng, nợ lãi trong hạn và các khoản phải thu khác tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 31/8/2022 là 1.984.008.745 đồng, nợ lãi quá hạn từ ngày 01/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 07/9/2023 là 671.667.582 đồng.

Bị đơn công ty H có ông Lê Gia H đại diện pháp luật của công ty cũng thừa nhận có ký Hợp đồng thuê tài chính với nguyên đơn, thừa nhận số nợ và hứa sẽ trả nợ cho nguyên đơn như trong Biên bản làm việc ngày 25/5/2023 và tại bản tự khai cùng ngày, nhưng đến nay ngoài số tiền đã trả cho nguyên đơn đến ngày 22/4/2022 thì công ty H vẫn chưa trả thêm cho nguyên đơn khoản nào.

Theo quy định tại khoản 7 Điều 3 của Nghị định số: 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính thì: *Cho thuê tài chính là hoạt động cấp tín dụng trung hạn, dài hạn trên cơ sở hợp đồng cho thuê tài chính giữa bên cho thuê tài chính với bên thuê tài chính. Bên cho thuê tài chính cam kết mua tài sản cho thuê tài chính theo yêu cầu của bên thuê tài chính và nắm giữ quyền sở hữu đối với tài sản cho thuê tài chính trong suốt thời hạn cho thuê. Bên thuê tài chính sử dụng tài sản thuê tài chính và thanh toán tiền thuê trong suốt thời hạn thuê quy định trong hợp đồng cho thuê tài chính.*

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lãi.

Nguyên đơn áp dụng mức lãi suất thả nổi được tính dựa trên lãi suất tiêu chuẩn “VND” của công ty C cộng với biên độ là 4.86%. Theo đó, mức lãi suất thuê tạm tính từ ngày bắt đầu thuê (19/02/2021) là 10.82 %/năm. Tuy nhiên lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ và tại thời điểm chấm dứt Hợp đồng thuê (31/8/2022) thì lãi suất được áp dụng là 10.88%/năm. Lãi quá hạn được tính 150% trên lãi suất tại thời điểm chấm dứt Hợp đồng thuê là 16.32%/năm.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức Tín dụng: *Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong các hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.*

Xét, bị đơn đã đồng ý thỏa thuận và ký Hợp đồng thuê với nguyên đơn và cam kết trả nợ nhưng nay bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu tiền lãi theo thỏa thuận mà hai bên đã ký trong Hợp đồng thuê nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi, phí và các khoản khác là có cơ sở.

Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Đối với Thư bảo lãnh cá nhân, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 02/02/2021, ông Lê Gia H và ông Đoàn C cùng ký 02 Thư bảo lãnh cá nhân với công ty C có nội dung: *Bên bảo lãnh (ông Lê Gia H và ông Đoàn C) đồng ý bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán của bên thuê đối với bên cho thuê với số tiền bảo lãnh bằng các khoản tiền bên thuê phải trả theo Hợp đồng thuê. Bên bảo lãnh xác nhận rằng bên bảo lãnh hoàn toàn hiểu rõ các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng thuê. Bên cho thuê có quyền quyết định số tiền bên thuê nợ và phải trả cho bên cho thuê căn cứ vào Hợp đồng thuê và bên bảo lãnh theo đây chấp thuận số tiền mà bên cho thuê đưa ra và yêu cầu. Bằng thư này bên bảo lãnh đồng ý trong trường hợp bên thuê không thực hiện được bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào theo Hợp đồng thuê, bên bảo lãnh phải thực hiện các nghĩa vụ này theo yêu cầu lần đầu bằng văn bản của bên cho thuê...* Qua đó cho thấy việc các bên ký Thư bảo lãnh là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 335 Bộ luật dân sự 2015 về Bảo lãnh.

Ngày 18/10/2022 nguyên đơn gửi Thư yêu cầu thanh toán cho ông Công và ông Huân, và thông báo số tiền còn nợ của bị đơn công ty H đến ngày 31/8/2022 là 9.852.341.178 đồng, gia hạn thời hạn trả nợ chậm nhất đến ngày 28/10/2022.

Như vậy có căn cứ cho rằng việc ông Huân và ông Công biết rõ về nghĩa vụ của người bảo lãnh đối với tài sản thuê của bị đơn nhưng không thực hiện nghĩa vụ của người bảo lãnh như thỏa thuận đã ký trong 02 Thư bảo lãnh cá nhân cùng ngày 02/02/2021 nêu trên.

Theo Điều 342 Bộ luật dân sự quy định về *Trách nhiệm dân sự của bên bảo lãnh*: 1. Trường hợp bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ đó; 2. Trường hợp bên bảo lãnh không thực hiện đúng nghĩa vụ bảo lãnh thì bên nhận bảo lãnh có quyền yêu cầu bên bảo lãnh thanh toán giá trị nghĩa vụ vi phạm và bồi thường thiệt hại.

Do đó việc nguyên đơn yêu cầu người bảo lãnh là ông Huân và ông Công thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong trường hợp bị đơn công ty H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Đối với các nội dung mà đương sự không yêu cầu, căn cứ quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mức án phí được tính là: 112.000.000 đồng + 0,1% của phần giá trị tranh chấp vượt 4.000.000.000 đồng, bị đơn phải chịu số tiền án phí là 118.524.009 đồng.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, 4 Điều 91; khoản 1 Điều 228; các Điều 147; 164; 266; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 24, 306 Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ Điều 335, 342 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease, buộc bị đơn Công ty TNHH Solar H có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ trong Hợp đồng thuê tài chính là 10.524.008.760 đồng (mười tỉ năm trăm hai mươi bốn triệu không trăm lẻ tám ngàn bảy trăm sáu mươi đồng), trong đó nợ gốc là 7.868.332.433 đồng, nợ lãi trong hạn và các khoản phải thu khác tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 31/8/2022 là 1.984.008.745 đồng, nợ lãi quá hạn từ ngày 01/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 07/9/2023 là 671.667.582 đồng.

Trường hợp Công ty TNHH Solar H không thanh toán đầy đủ khoản tiền nêu trên, thì người bảo lãnh là ông Lê Gia H và ông Đoàn C có trách nhiệm thanh toán khoản nợ cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ.

Hai bên đương sự thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH Solar H còn phải tiếp tục thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease các khoản tiền lãi trên nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi

thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease thì lãi suất mà Công ty TNHH Solar H phải tiếp tục thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease.

[2] Án phí:

[2.1] Án phí dân sự sơ thẩm về kinh doanh thương mại là 118.524.009 đồng (một trăm mười tám triệu năm trăm hai mươi bốn ngàn không trăm lẻ chín đồng), Công ty TNHH Solar H phải chịu.

[2.2] Trả lại cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.976.024 đồng (năm mươi tám triệu chín trăm bảy mươi sáu ngàn không trăm hai mươi bốn đồng) theo biên lai thu tiền số 0015262 ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, TPHCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Tố Nhân